

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/7/2024

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HD

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

**Các hội thẩm nhân dân:** Ông Hoàng Ngọc Thành, bà Bùi Thị Vân

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Bôn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Lê Văn N, sinh năm 1985, (có mặt).

Cư trú tại: thôn Yên Dương, xã Trung Kiên, huyện YL, tỉnh VP

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cư trú tại: Khu 2, thị trấn Thanh Hà, huyện TH, tỉnh HD

**- Người làm chứng:** Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964; Cư trú tại: Khu 2, thị trấn Thanh Hà, huyện TH, tỉnh HD (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn N trình bày:*

Anh Lê Văn Nam và chị Nguyễn Thu H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Hà, huyện TH, tỉnh HD ngày 12/02/2011. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian sau đó phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách đối nhân xử thế, về làm ăn kinh tế và việc nuôi dạy con chung, mặc dù sau đó cả hai đều cố gắng thay đổi để thích nghi song do sự khác biệt quá lớn về suy nghĩ và lối sống dẫn đến không thể hòa thuận. Tháng 6/2023 chị Hiền đã tự ý làm thủ tục chuyển khẩu và đưa 02 con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở khu 2, thị trấn Thanh Hà, huyện TH, tỉnh HD. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm trách nhiệm với nhau. Anh xét thấy không thể đoàn tụ vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

*Tại bản tự khai ngày 28/02/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TH, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường xuyên đi uống rượu về chửi mắng, đánh đập và đe dọa đến tính mạng của chị, chị nhận thấy không đủ an toàn khi ở cùng anh N nên đã đưa con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ tháng 6/2023, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh N xin ly hôn, chị đồng ý.

**Về con chung anh chị NH đều thống nhất trình bày:** Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thanh Ng, sinh ngày 03/10/2011 và Lê Thanh Ph, sinh ngày 11/03/2019 hiện các con đang ở với chị H. Anh N đề nghị mỗi người nuôi một con, nếu chị H xin nuôi cả hai con, yêu cầu anh cấp dưỡng anh nhất trí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị H xin được nuôi cả hai con, yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của Pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: anh N, chị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc T bố đẻ chị H trình bày: Anh Chị H N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TH năm 2011, sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại gia đình anh N ở VP, vợ chồng có mâu thuẫn, chị H đã đưa con về sinh sống cùng gia đình ông từ tháng 4/2023, anh N và gia đình hai bên không gặp gỡ hòa giải. Nay anh N xin ly hôn chị H, ông đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung ông đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị H và các cháu, chị H có công việc, chỗ ở ổn định đảm bảo cuộc sống của các con nếu được giao trực tiếp nuôi con, gia đình ông sẽ hỗ trợ chị H trông nom chăm sóc các cháu. Về tài sản ông được biết anh chị có 01 nhà xây trên đất của bố mẹ đẻ anh N diện tích xây dựng khoảng 300m<sup>2</sup>, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt giữ nguyên lời trình bày, bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh HD phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 55, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho anh Lê Văn N ly hôn chị Nguyễn Thu H, Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thanh Ng, sinh ngày 03/10/2011 và Lê Thanh Ph, sinh ngày 11/03/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của Pháp luật. Tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Về án phí: Anh N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn, người làm chứng đều đã được giao trực tiếp các văn bản tố tụng và đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Văn N và chị Nguyễn Thu H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Hà, huyện TH, tỉnh HD ngày 12/01/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống. Hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau, chị H đã đưa con về nhà đẻ ở từ khoảng tháng 6/2023, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, chị H một lần có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chị đã có bản tự khai đồng ý ly hôn sau đó chị H đều vắng mặt. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N và Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện TH. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Văn N và chị Nguyễn Thu H.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Thanh Ng, sinh ngày 03/10/2011 và Lê Thanh Ph, sinh ngày 11/03/2019, hiện nay các con đang ở với chị H, chị H xin nuôi cả hai con yêu cầu anh N cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Anh N nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con không dưới  $\frac{1}{2}$  tháng lương tối thiểu vùng tại địa bàn huyện TH, tỉnh HD tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.250.000đ/tháng. Như vậy mức cấp dưỡng tiền nuôi con là  $1.625.000đ/tháng/con \times 2 = 3.250.000đ/tháng/02$  con, kể từ tháng 7/2024 đến khi con thành niên 18 tuổi. Anh N được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh N không yêu cầu giải quyết. Chị H và ông T (bố đẻ chị H) đều trình bày vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà làm trên đất của bố mẹ đẻ anh N. Ông T (bố đẻ chị H) đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Tòa án đã giao thông báo về việc yêu cầu giải quyết về tài sản cho chị H nhưng chị H không nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, trước đó chị H có bản tự khai không yêu cầu giải quyết về tài sản. Vì vậy ông T không có quyền yêu cầu giải quyết về tài sản của anh chị N H nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản, nợ chung, công sức.

Nếu sau này anh Lê Văn N và chị Nguyễn Thu H có tranh chấp về tài sản mà có đơn yêu cầu khởi kiện. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5]. Về án phí: Anh Lê Văn N có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Lê Văn N và chị Nguyễn Thu H.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thanh Ng, sinh ngày 03/10/2011 và Lê Thanh Ph, sinh ngày 11/03/2019 cho chị Nguyễn Thu H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn N cấp dưỡng tiền nuôi con 1.625.000đ/tháng/con x 2 = 3.250.000đ/tháng/02 con, kể từ tháng 7/2024 đến khi các con thành niên 18 tuổi. Anh Lê Văn N được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Về án phí: Anh Lê Văn N phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23, số 0000914 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh HD. Anh N còn phải nộp số tiền 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND thị trấn TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**